TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1347/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1191/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Bùi Anh T; sinh ngày: ….; số CCCD: ….; địa chỉ: Số H, đường số B, Khu phố B, phường T, Thành phố H.

2/ Bà Tôn Thị T; sinh ngày: …; số CCCD: ….; địa chỉ: Số H, đường số B, Khu phố B, phường T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 22 ngày 03/3/2003 do Ủy ban nhân dân H, huyện H, tỉnh B (nay là phường Hc, tỉnh G) cấp cho ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T có 02 (hai) con chung là Bùi Thị Bích Trâm, sinh ngày 04/4/2003 (đã thành niên) và Bùi Đức Tính, sinh ngày 29/8/2005 (đã thành niên).

- Về tài sản chung: Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T cùng xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040396 ngày 26/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Anh T và bà Tôn Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND P.Hoài Nhơn Bắc, TP.HCM;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Trần Vũ Thanh Phương

TP. Thanh Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO QUYẾT ĐỊNH

Ngày……..…tháng..……..…. năm 2026

Tại Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi là: Đặng Thị Kim Thảo – chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã thực hiện việc giao các văn bản sau:

- Quyết định CNTTLH số: 1347/2026/HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026

Giữa:

Người yêu cầu: ông Bùi Anh T.

Người yêu cầu: bà Tôn Thị T.

Của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Người nhận **Người giao**

Đặng Thị Kim Thảo